

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 17/2021/HS-ST
Ngày 08-4-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiêm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mã Văn Đầu

Bà Trần Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn N, sinh ngày 30 tháng 8 năm 1988 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn Đ, thị trấn Đ (trước đây là xã Q), huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Vi Bích N; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam từ ngày 14-10-2020 đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Đình L, sinh ngày 07 tháng 3 năm 1987 tại huyện M, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị D; có vợ là Phạm Thị L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2004/HSST ngày 30-12-2004 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ, vận chuyển tiền giả (đã được xóa), tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2014/HSST ngày 25-4-2014 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc (xác minh thi hành án không có thông tin đối với bản án này), chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ

luật; bị bắt tạm giữ ngày 02-7-2020, tạm giam từ ngày 06-7-2020 đến nay; có mặt.

3. Ngô Văn C, sinh ngày 04 tháng 3 năm 1979 tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn C, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn P (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Nguyễn Thị L và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ ngày 21-11-2020, tạm giam từ ngày 24-11-2020 đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2020, qua mạng xã hội Wechat, Trần Văn N quen biết với một người đàn ông Trung Quốc tên là A L. Khoảng đầu tháng 6/2020, A L đặt vấn đề thuê Trần Văn N đưa người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, Trần Văn N đồng ý. Sau đó, Trần Văn N liên lạc qua mạng Zalo với một người có tài khoản Zalo là “Dương M” sinh sống tại Trung Quốc và được Dương M cho số điện thoại 0948.118.356 của Nguyễn Đình L để Trần Văn N liên lạc tổ chức đưa người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Sau khi có số điện thoại của Nguyễn Đình L, Trần Văn N gọi điện cho Nguyễn Đình L đặt vấn đề thuê Nguyễn Đình L tổ chức đưa người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, Nguyễn Đình L đã đồng ý. Cả hai thống nhất tiền công của Nguyễn Đình L là 3.500 NDT/01 người. Sau khi thống nhất với Nguyễn Đình L, Trần Văn N báo lại với A L tiền công đưa người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam là 4.000NDT/01 người và bảo A L đưa trước 40% tiền công trước khi đón khách, khi đưa khách nhập cảnh trái phép thành công thì sẽ trả số tiền công còn lại, A L đồng ý.

Khoảng ngày 10/6/2020, A L liên lạc với Trần Văn N nói có 06 người Trung Quốc đã tập trung tại B, Quảng Tây, Trung Quốc là Từ Văn K, Chu Hạo H, Châu Tư Y, Châu N, Trương K, Châu Thành Đ. Trần Văn N thông báo cho Nguyễn Đình L biết và gửi tài khoản Wechat của một trong sáu người khách cho Nguyễn Đình L để Nguyễn Đình L liên lạc. Sau đó Nguyễn Đình L gọi điện cho người đàn ông Trung Quốc tên là T, Nguyễn Đình L bảo T tổ chức đưa sáu người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam với tiền công là 1.500NDT/01 người, T đồng ý. Nguyễn Đình L gửi cho T tài khoản Wechat của 01 trong 06 người Trung Quốc để liên lạc. Tối ngày 13/6/2020, T gọi điện Zalo cho Nguyễn Đình L nói đã đón được 06 người Trung Quốc tại B, Quảng Tây, Trung Quốc, rạng sáng ngày 14/6/2020 sẽ đưa họ nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Nguyễn Đình L thông báo cho Trần Văn N biết và bảo Trần Văn N chuyển trước 40% số tiền công như đã thỏa thuận trước đó, Trần Văn N đồng ý rồi liên lạc với A L và được A L xác nhận 06 người Trung Quốc đã được đón.

Sau đó A L đến gặp Trần Văn N và đưa trước cho Trần Văn N 9.600NDT, Trần Văn N đã đổi số tiền trên sang tiền Việt Nam được 30.720.000 đồng, số tiền này Trần Văn N gửi cho Nguyễn Đình L 20.000.000 đồng.

Ngày 14/6/2020, T gọi điện báo cho Nguyễn Đình L biết khách đã nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và hỏi đón khách ở đâu, Nguyễn Đình L báo đón khách tại thành phố Lạng Sơn. T bảo Nguyễn Đình L đi ra thành phố L chờ, sẽ có người giao khách cho Nguyễn Đình L. Tiếp đó Nguyễn Đình L thông báo cho Trần Văn N biết và nói khi đón được khách sẽ đưa đến thành phố H, tỉnh Quảng Ninh để giao cho Trần Văn N. Sau khi Nguyễn Đình L và T thống nhất sẽ giao nhận khách tại ngã tư M, khoảng 10 phút sau có 05 xe mô tô chở 06 người Trung Quốc đến, Nguyễn Đình L trả cho mỗi người lái xe ô tô 500.000 đồng. Sau đó Nguyễn Đình L thuê Nguyễn Chí V điều khiển xe ô tô 16 chỗ, biển kiểm soát 29B - 068.24 chở Nguyễn Đình L và 06 người Trung Quốc đến thành phố H, tỉnh Quảng Ninh với giá tiền là 2.500.000 đồng. Khoảng 08 giờ ngày 14/6/2020, Nguyễn Chí V chở Nguyễn Đình L và 06 người Trung Quốc đến vườn hoa gần khách sạn R - thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Tại đây Nguyễn Đình L gặp Trần Văn N và A L, Nguyễn Đình L đã giao 06 người Trung Quốc cho Trần Văn N và bảo Trần Văn N trả cho Văn tiền thuê xe là 2.500.000 đồng. Khi nhận được đủ khách, A L trả 60% số tiền công còn lại cho Trần Văn N là 14.400NDT. Sau đó, Trần Văn N trả cho Nguyễn Đình L tiền công còn lại là 47.200.000 đồng, số tiền này sau đó Nguyễn Đình L trả tiền công cho T là 28.800.000 đồng.

Khoảng ngày 27, 28/6/2020, A L liên lạc đặt vấn đề với Trần Văn N đưa 06 người Trung Quốc đã đưa nhập cảnh trái phép vào Việt Nam ngày 14/6/2020 về nước. Trần Văn N đồng ý và thông báo cho Nguyễn Đình L biết, cả hai thống nhất tiền công đưa người Trung Quốc xuất cảnh trái phép là 3.500NDT/01 người, trước khi đón khách sẽ chuyển 40% tiền công, sau khi đưa khách xuất cảnh trái phép về nước sẽ thanh toán nốt số tiền còn lại. Sau đó, Trần Văn N báo lại với A L tiền công đưa người Trung Quốc xuất cảnh trái phép là 4.000NDT/01 người và bảo A L đưa trước cho Trần Văn N 40% tiền công, khi đưa khách xuất cảnh trái phép thành công thì sẽ trả 60% tiền công còn lại, A L đồng ý. Khoảng 16 giờ ngày 30/6/2020, A L thông báo cho Trần Văn N biết có thêm 02 người Trung Quốc nữa là Tăng N và Hùng V cùng đi, tổng cộng là 08 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép về nước trong chiều ngày 30/6/2020. Trần Văn N đồng ý và báo lại cho Nguyễn Đình L biết để chuẩn bị xe đón. Sau đó, Nguyễn Đình L gọi điện cho Hoàng Đình T, H (không biết họ tên và địa chỉ cư trú), Ngô Văn C và T1 (không biết họ tên và địa chỉ cư trú) đặt vấn đề thuê 04 người này đưa 08 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép. Nguyễn Đình L báo tiền công với Hoàng Đình T, H là 1.500NDT/01 người, báo tiền công với Ngô Văn C, T1 là 1.000NDT/01 người, sau khi Nguyễn Đình L đặt vấn đề thì Hoàng Đình T, H, Ngô Văn C, T1 đồng ý.

Khoảng 17 giờ ngày 30/6/2020, Nguyễn Đình L gọi điện thuê Nguyễn Chí V chở 08 khách từ B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh đến xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn với giá tiền công là 2.500.000đ, Nguyễn Chí V đồng ý, Nguyễn Đình L gửi cho Nguyễn Chí V số điện thoại của Trần Văn N để Văn liên lạc. Sau đó, A L đưa cho Trần Văn N 32.000NDT là toàn bộ tiền công đưa 08 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép về nước, Trần Văn N đổi số tiền trên sang tiền Việt Nam được 102.400.000đ, số tiền này Trần Văn N chuyển trước cho Nguyễn Đình L 10.000.000đ qua tài khoản của Vy Thị D. Khoảng 22 giờ ngày 30/6/2020, Nguyễn Chí V đi xe ô tô đến B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh nhận 08 người khách với Trần Văn N và A L. Tại đây Trần Văn N trả cho Văn 2.000.000 đồng và bảo đến Lạng Sơn sẽ có người trả số tiền còn thiếu. Sau đó, Nguyễn Chí V điều khiển xe ô tô chở 08 khách đến xã T, huyện V, Lạng Sơn, khoảng 02 giờ ngày 01/7/2020 thì đến nơi. Sau khi được Nguyễn Chí V thông báo cho biết đã chở khách đến nơi, Nguyễn Đình L bảo Văn đưa khách đến chợ rau khu vực cửa khẩu T rồi bảo Hoàng Đình T đến đón khách đưa đi xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, đồng thời Nguyễn Đình L đưa cho Thái 1.000.000 đồng để trả cho Nguyễn Chí V. Sau đó Hoàng Đình T gọi Ngô Văn C, T1 đến để cùng Hoàng Đình T đưa 08 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép. Hoàng Đình T bảo T1 đi xem đường để xem có lực lượng Biên phòng canh gác hay không, do có tổ công tác của Công an và Biên phòng đi tuần nên cả nhóm không đưa 08 người đi được. Hoàng Đình T gọi điện thông báo cho Nguyễn Đình L biết và thống nhất đưa 08 người đi tìm chỗ để nghỉ tạm. Nguyễn Đình L gọi điện hỏi H có đưa khách xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc được không, H bảo đưa được. Nguyễn Đình L bảo H đi ra chợ rau để đón người, H đồng ý, một lúc sau H đến rồi gọi điện cho Nguyễn Đình L và nói hiện tại chưa đưa khách xuất cảnh trái phép được, phải đưa khách đi nghỉ. Sau đó H điều khiển xe mô tô chở 08 người Trung Quốc làm nhiều chuyến về nhà trọ của Nguyễn Thị H, Nguyễn Đình L, Hoàng Đình T, Ngô Văn C cũng thuê trọ tại đây để chờ khi điều kiện thuận lợi sẽ tiếp tục đưa người đi xuất cảnh trái phép. Tại nhà trọ của chị Nguyễn Thị H, Hoàng Đình T sắp xếp cho những người Trung Quốc nghỉ tại 03 phòng gần nhau, Nguyễn Đình L trả cho chị Nguyễn Thị H tiền thuê trọ của 08 người Trung Quốc số tiền là 1.600.000 đồng. Khoảng 08 giờ ngày 01/7/2020, H đến nhà trọ nói với Nguyễn Đình L là buổi tối cùng ngày sẽ đưa người đi xuất cảnh trái phép được; khoảng 10 giờ cùng ngày, Trần Văn N tiếp tục chuyển cho Nguyễn Đình L tiền công là 30.000.000 đồng qua tài khoản của Vy Thị D.

Khoảng 12 giờ ngày 02/7/2020, tại nhà trọ của Nguyễn Thị H, cơ quan chức năng phối hợp kiểm tra phát hiện 08 người Trung Quốc đều không có giấy tờ xuất nhập cảnh hợp pháp, tổ công tác đã đưa 08 người Trung Quốc đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để làm việc. Trên cơ sở lời khai của 08 đối tượng xuất cảnh trái phép và các tài liệu, chứng cứ, đã tiến hành bắt giữ, bắt giam và khởi tố bị can đối Nguyễn Đình L, Trần Văn N, Ngô Văn C.

Bản Cáo trạng số: 24/CT-VKS-P2 ngày 08-02-2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Đình L về

các tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép và tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Ngô Văn C về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Đình L phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép và tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép. Tuyên bố bị cáo Ngô Văn C phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 06 đến 07 năm tù về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép và 07 đến 08 năm tù về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép. Bị cáo phải chịu hình phạt chung cho cả 02 tội từ 13 đến 15 năm tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Đình L từ 06 đến 07 năm tù về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép và 07 đến 08 năm tù về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép. Bị cáo phải chịu hình phạt chung cho cả 02 tội từ 13 đến 15 năm tù. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Ngô Văn C từ 04 đến 05 năm tù về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về biện pháp tư pháp: Truy thu đối với các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Đình L số tiền thu lợi bất chính. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước những tài sản liên quan đến tội phạm; trả lại các bị cáo vật không liên quan đến tội phạm. Các bị cáo phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm của bản thân, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian tháng 6 năm và đầu tháng 7/2020, vì mục đích vụ lợi, Trần Văn N và Nguyễn Đình L đã thực hiện hành vi tổ chức cho 06 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép và tổ chức cho 08 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép (trong đó có 06 người Trung Quốc trước đó các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Đình L đã tổ chức cho nhập cảnh trái phép vào Việt Nam); Ngô Văn C đã thực hiện hành vi tổ chức cho 08 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép. Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Đình L phạm các tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép và tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo Ngô Văn C phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và gây mất ổn định xã hội tại địa phương nhất là khu vực biên giới; đặc biệt là trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp trong nước cũng như trên thế giới, việc đưa người nhập cảnh trái phép vào lãnh thổ Việt Nam có thể làm bùng phát dịch bệnh, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rõ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi mà vẫn cố ý thực hiện. Chính vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần được xử lý nghiêm minh đúng theo pháp luật nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Đây là vụ án hình sự mang tính chất đồng phạm giản đơn: Bị cáo Trần Văn N có vai trò chính trong vụ án, là người trực tiếp liên lạc, trao đổi, thỏa thuận với đối tượng A L và Nguyễn Đình L sắp xếp việc đưa, đón người Trung Quốc xuất, nhập cảnh trái phép. Bị cáo Nguyễn Đình L là đồng phạm giúp sức tích cực cho bị cáo Trần Văn N; là người trực tiếp liên lạc, trao đổi, thỏa thuận với Trần Văn N và đối tượng tên T để tổ chức cho 06 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép; trực tiếp liên lạc, trao đổi, thỏa thuận với Trần Văn N, phân công nhiệm vụ cho Hoàng Đình T và đối tượng H để sắp xếp việc đưa, đón 08 người Trung Quốc xuất cảnh. Bị cáo Ngô Văn C có vai trò thấp nhất, giúp sức cho bị Nguyễn Đình L và Hoàng Đình T trong việc tổ chức cho 08 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép. Ngoài ra, cần xem xét về mặt chủ quan đối với tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, mục đích là tổ chức người khác xuất cảnh trái phép; tội phạm hoàn thành khi các bị cáo đang có mục đích và hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép thì bị phát hiện ngăn chặn; do nguyên nhân ngoài ý muốn (Biên phòng đang quản lý chặt chẽ), bị cáo Ngô Văn C chưa

thực hiện được đến cùng hành vi phạm tội, đã bỏ về quê, nên cần xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt (không thuộc trường hợp nửa chừng chấm dứt tội phạm vì trong vụ án này có sự ngăn cản là Biên phòng đang quản lý chặt chẽ).

[5] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Đình L tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2004/HSST ngày 30-12-2004 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ, vận chuyển tiền giả (đã được xóa), tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2014/HSST ngày 25-4-2014 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc (xác minh thi hành án không có thông tin đối với bản án này); mặc dù đều đã được xóa án tích nhưng thể hiện bị cáo Nguyễn Đình L là người có nhân thân không tốt. Các bị cáo Trần Văn N, Ngô Văn C là người có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả ba bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, 03 bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự 03 bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo Ngô Văn C đã ra đầu thú và gia đình thuộc diện hộ nghèo, là đối tượng được hưởng trợ giúp pháp lý nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Từ những phân tích trên, cần xử tù có thời hạn đối với các bị cáo; tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Đình L.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng, có bị cáo gia đình thuộc diện hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Các biện pháp tư pháp: Tại phiên tòa, đã làm rõ các bị cáo đã thu lợi bất chính, từ việc tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, để truy thu như sau: Bị cáo Nguyễn Đình L đã nhiều lần nhận tiền trực tiếp và nhận qua chuyển khoản của Trần Văn N, với tổng số tiền là 104.000.000 đồng (20.000.000 đồng + 44.000.000 đồng + 10.000.000 đồng + 30.000.000 đồng); Luân đã trả 2.500.000 đồng tiền xe ôm; trả tiền công cho T là 28.800.000 đồng; trả tiền trợ là 1.600.000 đồng; trả tiền xe cho Nguyễn Chí V 1.000.000 đồng; mua đồ ăn cho những người Trung Quốc 2.500.000 đồng; mua điện thoại (hiện đã bị thu giữ) 4.300.000 đồng; đã bị thu giữ khi bị bắt 30.900.000 đồng. Do đó, cần truy thu đối với bị cáo số tiền thu lợi bất chính nhưng bị cáo đã tiêu sài hết là 32.400.000 đồng.

[11] Bị cáo Trần Văn N đã 03 lần nhận tiền của A L: Lần 01 là 9.600 NDT quy đổi thành tiền Việt Nam là 30.720.000 đồng; trả nợ A L 1.500 NDT

(đây là tiền công do A L trả cho N) quy đổi thành tiền Việt Nam là 4.800.000 đồng; lần 2: 12.900 NDT quy đổi thành tiền Việt Nam là 41.280.000 đồng; lần 3: 32.000 NDT quy đổi thành tiền Việt Nam là 102.400.000 đồng. Tổng số tiền của 3 lần là 179.200.000 đồng. Số tiền này N đã trả cho L 104.000.000 đồng; trả cho Nguyễn Chí V tiền thuê xe lần 1 là 2.500.000 đồng; trả cho Nguyễn Chí V tiền thuê xe lần 2 là 2.000.000 đồng; trả lại cho A L vì không đưa được người xuất cảnh là 50.000.000 đồng. Do đó, cần truy thu đối với bị cáo số tiền thu lợi bất chính nhưng bị cáo đã tiêu sài hết là 20.700.000 đồng.

[12] Đối với Hoàng Đình T: Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Hoàng Đình T, đến khi kết thúc điều tra vụ án vẫn chưa xác định được Hoàng Đình T đang ở đâu và chưa bắt được Hoàng Đình T, vì vậy Cơ quan điều tra đã ra quyết định đình truy nã và ra quyết định tách vụ án đối với hành vi phạm tội của Hoàng Đình T để tiếp tục điều tra theo quy định nên không xem xét.

[13] Đối với các đối tượng người Trung Quốc có tên là A L, T: Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ nên không xem xét.

[14] Đối với các đối tượng tên là T1, H tham gia tổ chức cho 08 người Trung Quốc xuất cảnh: Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không xác định được nên không xem xét.

[15] Đối với Nguyễn Thị H (là chủ nhà trọ) và Nguyễn Chí V là lái xe chở các đối tượng người Trung Quốc cho các bị cáo: Kết quả điều tra không chứng minh được hành vi của Nguyễn Thị H và Nguyễn Chí V đồng phạm với các bị cáo.

[16] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn về mức hình phạt và xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[17] Về vật chứng: Đối với 02 chiếc điện thoại di động của bị cáo Nguyễn Đình L, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI MATE của bị cáo Trần Văn N, 01 chiếc điện thoại của bị cáo Ngô Văn C, 01 phong bì bên trong đựng 30.900.000 đồng liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước; đối với 02 chiếc điện thoại di động thu của bị cáo Nguyễn Đình L và bị cáo Trần Văn N không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo; đối với 02 giấy chứng minh nhân dân không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[18] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 56, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với Trần Văn N và Nguyễn Đình L;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 15, Điều 17, Điều 57, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với Ngô Văn C;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 106, khoản 1 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Đình L phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép và tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Tuyên bố bị cáo Ngô Văn C phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Trần Văn N 06 (sáu) năm tù về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép và 07 (bảy) năm tù về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội, bị cáo phải thi hành là 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt 14-10-2020.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình L 06 (sáu) năm tù về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép và 07 (bảy) năm tù về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội, bị cáo phải thi hành là 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt 02-7-2020.

2.3. Xử phạt bị cáo Ngô Văn C 04 (bốn) năm tù về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt 21-11-2020.

3. Về các biện pháp tư pháp

3.1. Truy thu của bị cáo Trần Văn N số tiền 20.700.000 đồng (hai mươi triệu bảy trăm ngàn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3.2. Truy thu của bị cáo Nguyễn Đình L số tiền 32.400.000 đồng (ba mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng

4.1. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen, cũ, đã qua sử dụng, Số IMEI1: 860154042246839; số IMEI2: 860154042246821 (thực hiện

cú pháp *#06#), bên trong máy điện thoại có 01 (một) sim điện thoại mạng Vinaphone có dãy số 89840 20001 05869 21595.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SONY màu xám, đã cũ, số IMEI: 355247072632654. Bên trong máy không có sim điện thoại.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI MATE 30 màu đen xám đã qua sử dụng, có số IMEI1: 866222047430361, IMEI2: 866222047495778 (thực hiện cú pháp *#06#), bên trong máy có gắn một thẻ sim Viettel có dãy số: 8984048000071915335, số điện thoại 0971308188.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; màu đen; máy cũ đã qua sử dụng; có số IMEI1: 863886032689497, IMEI2: 863886032689489; bên trong máy có gắn một thẻ sim Viettel có dãy số: 8984048000035821371.

- 01 (một) phong bì được niêm phong dán kín, bên trong phong bì đựng tiền Việt Nam sau giám định có tổng cộng 30.900.000 đồng (ba mươi triệu chín trăm nghìn đồng), đặc điểm:

+ Mặt trước phong bì có dòng chữ “CÔNG AN TỈNH LẠNG SƠN CƠ QUAN AN NINH ĐIỀU TRA; Số:.....; Kính gửi:.....”, 02 dấu đỏ của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn và chữ ký cùng tên của Giám định viên Ngô Văn Đông; Trợ lý giám định Bùi Anh Thái.

+ Mặt sau phong bì có 03 dấu đỏ của Công an xã Tân Thanh, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn và chữ ký cùng tên của Nguyễn Đình L, Nguyễn Văn Thành, Mông Thanh Tú, Nguyễn Hoàng Minh.

4.2. Trả lại cho bị cáo Trần Văn N:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen (*biên bản bắt bị can để tạm giam ghi “màu bạc”*) máy cũ đã qua sử dụng; có số IMEI1: 868393032467979; IMEI2: 868393032467961 (thực hiện cú pháp *#06#); bên trong máy có gắn một thẻ sim Viettel có dãy số 8984048000052129368, số điện thoại 0349654358.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 082389367 mang tên: Trần Văn N do Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 11/10/2018.

4.3. Trả lại cho bị cáo Ngô Văn C: 01 (một) giấy chứng minh thư nhân dân số 121736507 do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 10/7/2020, mang tên: Ngô Văn C, sinh ngày 04/3/1979.

4.4. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình L: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng đồng, cũ, đã qua sử dụng, màn hình bị nứt, vỡ; Số IMEI1: 863090033438711; Số IMEI2: 863090033438703 (thực hiện cú pháp *#06#). Bên trong máy không có sim điện thoại.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09 tháng 02 năm 2021).

5. Về án phí: Các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Đình L và Ngô Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, THS, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiếm

